

346.597 078

Lua

LUẬT
PHÁ SẢN
(HIỆN HÀNH)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2018

MỤC LỤC

	Trang
* Lệnh số 11/2014/L-CTN ngày 30-6-2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc công bố Luật phá sản	5
* Luật phá sản	7
CHƯƠNG I	
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	7
Điều 2. Đối tượng áp dụng	7
Điều 3. Áp dụng Luật phá sản	8
Điều 4. Giải thích từ ngữ	8
Điều 5. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	11
Điều 6. Thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	12
Điều 7. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan	13
Điều 8. Thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân	13
Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản	14
Điều 10. Từ chối hoặc thay đổi Thẩm phán trong quá trình giải quyết phá sản	16
Điều 11. Cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	17
	123

Điều 12. Điều kiện hành nghề Quản tài viên	17
Điều 13. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	18
Điều 14. Cá nhân không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	18
Điều 15. Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	19
Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	19
Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự	21
Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản	22
Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	24
Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	25
Điều 21. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết phá sản	25
Điều 22. Lệ phí phá sản	26
Điều 23. Chi phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản	26
Điều 24. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	27
Điều 25. Việc yêu cầu, cấp, thông báo văn bản trong giải quyết phá sản	27
CHƯƠNG II	
ĐƠN VÀ THỦ LÝ ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN	
Điều 26. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ	28
Điều 27. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động, đại diện công đoàn	29

Điều 28. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	30
Điều 29. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần, thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã	31
Điều 30. Phương thức nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	32
Điều 31. Phân công Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	32
Điều 32. Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	33
Điều 33. Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền và giải quyết đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn	34
Điều 34. Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	34
Điều 35. Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	35
Điều 36. Đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	36
Điều 37. Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	37
Điều 38. Thủ tục nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản	38
Điều 39. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	
Điều 40. Thông báo việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	39
Điều 41. Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản	40

CHƯƠNG III

MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

42

- Điều 42. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản 42
- Điều 43. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản 43
- Điều 44. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản 44
- Điều 45. Chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản 46
- Điều 46. Thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản 47
- Điều 47. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản 50
- Điều 48. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản 50
- Điều 49. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản 51
- Điều 50. Ủy thác tư pháp trong việc giải quyết phá sản 52

CHƯƠNG IV

NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN

53

- Điều 51. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản 53
- Điều 52. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ 53
- Điều 53. Xử lý khoản nợ có bảo đảm 54
- Điều 54. Thứ tự phân chia tài sản 56
- Điều 55. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh 57
- Điều 56. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản 58
- Điều 57. Trả lại tài sản nhận bảo đảm 59
- Điều 58. Nhận lại hàng hoá đã bán 59

CHƯƠNG V

CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN

	59
Điều 59. Giao dịch bị coi là vô hiệu	59
Điều 60. Tuyên bố giao dịch vô hiệu	61
Điều 61. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực	63
Điều 62. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện	65
Điều 63. Bù trừ nghĩa vụ	65
Điều 64. Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	66
Điều 65. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	68
Điều 66. Gửi giấy đòi nợ	69
Điều 67. Lập danh sách chủ nợ	70
Điều 68. Lập danh sách người mắc nợ	71
Điều 69. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	72
Điều 70. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	72
Điều 71. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc	75
Điều 72. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc	75
Điều 73. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản	77
Điều 74. Nghĩa vụ của người lao động	77
CHƯƠNG VI	
HỘI NGHỊ CHỦ NỢ	
Điều 75. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ	77

Điều 76. Nguyên tắc tiến hành Hội nghị chủ nợ	78
Điều 77. Quyền tham gia Hội nghị chủ nợ	79
Điều 78. Nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ	79
Điều 79. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ	80
Điều 80. Hoàn Hội nghị chủ nợ	80
Điều 81. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ	81
Điều 82. Ban đại diện chủ nợ	83
Điều 83. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ	84
Điều 84. Gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ	85
Điều 85. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ	85
Điều 86. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản	86
CHƯƠNG VII	
THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
Điều 87. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	88
Điều 88. Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	88
Điều 89. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	89
Điều 90. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã	90
Điều 91. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	91
Điều 92. Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã	93
Điều 93. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	94

Điều 94. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh	94
Điều 95. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh	95
Điều 96. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh	96

CHƯƠNG VIII

THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 97. Áp dụng quy định về thủ tục phá sản tổ chức tín dụng	96
Điều 98. Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	97
Điều 99. Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng	97
Điều 100. Hoàn trả khoản vay đặc biệt	98
Điều 101. Thứ tự phân chia tài sản	98
Điều 102. Trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản	99
Điều 103. Giao dịch của tổ chức tín dụng trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt	100
Điều 104. Quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản	100

CHƯƠNG IX

TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN	100
Điều 105. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn	100
Điều 106. Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành	102
Điều 107. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ	102
Điều 108. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	103

Điều 109. Gửi và thông báo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	104
Điều 110. Nghĩa vụ về tài sản sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	105
Điều 111. Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	105
Điều 112. Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	106
Điều 113. Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt	107

CHƯƠNG X

XỬ LÝ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ CÓ TRANH CHẤP

Điều 114. Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	109
Điều 115. Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	110

CHƯƠNG XI

THỦ TỤC PHÁ SẢN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 116. Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài	111
Điều 117. Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Việt Nam đối với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	112
Điều 118. Thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài	112

CHƯƠNG XII

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN

Điều 119. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản	112
Điều 120. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản	113

Điều 121. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản	114
Điều 122. Định giá tài sản	115
Điều 123. Định giá lại tài sản	115
Điều 124. Bán tài sản	116
Điều 125. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm	118
Điều 126. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản	118
Điều 127. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	119
Điều 128. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	119
CHƯƠNG XIII	
XỬ LÝ VI PHẠM	
Điều 129. Trách nhiệm do vi phạm pháp luật về phá sản	120
Điều 130. Cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản	120
CHƯƠNG XIV	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 131. Điều khoản chuyển tiếp	121
Điều 132. Hiệu lực thi hành	122
Điều 133. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	122